

Bản án số: 123/2019/DS-ST

Ngày: 22/7/2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TỔNG VĂN TƯ**

2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

- Thư ký phiên tòa: Ông **TRẦN MINH CƯỜNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **HUỲNH THỊ CẨM** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **HỒ VĂN C**, sinh năm 1963

Địa chỉ: khu phố 0, phường B, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **NGUYỄN VĂN C**, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (văn bản uỷ quyền đề ngày 07/01/2019). (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **ĐẶNG VĂN CH**, sinh năm 1966 (Có đơn xin vắng mặt)

Bà **NGUYỄN THỊ P**, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 22/3/2019; đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 23/5/2019 và lời khai tại Toà, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Vào ngày 20/9/2017, ông Ch, bà P có vay của ông C số tiền 280.000.000đ, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Khi nhận tiền ông Ch có đại diện ký tên vào giấy biên nhận nợ, thời gian trả vào ngày 01/10/2018. Để đảm bảo cho hợp đồng vay trên thì ông Ch, bà P có lập hợp đồng cầm cố hai thửa đất số 376, diện tích 6.347m²; thửa đất số 385, diện tích 6.036m² do ông Ch đại diện hộ đứng tên, tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, sau đó có lập hợp đồng thuê lại hai thửa đất trên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính thì ông bà vẫn giữ và canh tác trên đất bình

thường. Sau khi vay thì ông Ch, bà P có trả cho ông C được hai tháng tiền lãi thì ngưng luôn cho đến nay.

Nay ông C yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố đất và hợp đồng cho thuê hai thửa đất số 376, thửa số 385 được ký ngày 20/9/2017 giữa ông với vợ chồng ông Ch, bà P; Yêu cầu ông Ch, bà P phải liên đới trả cho ông số tiền vốn vay 280.000.000 cùng tiền lãi phát sinh từ ngày 20/12/2017 đến ngày 20/12/2018 theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định, cụ thể là $280.000.000đ \times 1,125\%/tháng \times 12 tháng = 33.600.000đ$. Cộng chung vốn lãi là 313.600.000đ trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, vào ngày 23/5/2019, đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện cũng như tại phiên tòa có yêu cầu cụ thể như sau: Ông C yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố đất và hợp đồng cho thuê hai thửa đất số 376, thửa số 385 được ký ngày 20/9/2017 giữa ông C với vợ chồng ông Ch, bà P; Yêu cầu ông Ch, bà P phải liên đới trả số tiền vốn vay 280.000.000đ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho ông C, không yêu cầu tính lãi suất phát sinh.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18/4/2019 và lời khai tại Tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Nay bà đồng ý hủy hợp đồng cầm cố đất, hợp đồng cho thuê hai thửa đất số 376, thửa số 385 được ký ngày 20/9/2017 giữa ông C với vợ chồng bà do văn bản này được ký kết chủ yếu để đảm bảo cho việc vay số tiền 280.000.000đ chứ thực tế không phát sinh quyền, nghĩa vụ gì. Bà cũng đồng ý cùng chồng là ông Ch liên đới trả số tiền vốn vay 280.000.000đ cho ông C nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ đến hết nợ.

Theo tờ tự khai không đề ngày tháng năm, bị đơn ông Đặng Văn Ch trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Nguyễn Thị P, ông không bổ sung ý kiến hay yêu cầu gì và đồng thời có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc vợ chồng ông Ch, bà P cùng liên đới trả số tiền vốn vay 280.000.000đ cho ông C. Đồng thời, thực chất của việc ký kết hợp đồng cầm cố đất, hợp đồng cho thuê hai thửa đất số 376, thửa số 385 vào ngày 20/9/2017 là để đảm bảo cho khoản tiền vay trên và đương sự cũng thống nhất hủy nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ông Đặng Văn Ch có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Ch.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu được hủy hợp đồng cầm cố đất, hợp đồng cho thuê hai thửa đất số 376, 385 ký ngày 20/9/2017 giữa ông C với vợ chồng ông Ch, bà P; yêu cầu ông Ch, bà P phải liên đới trả cho ông C số tiền vốn vay 280.000.000đ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi suất phát sinh. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện trên là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tôn trọng và chấp nhận quyền tự định đoạt của đương sự.

[3] Tại phiên tòa, các bên đương sự đều khẳng định hợp đồng cầm cố đất, hợp đồng cho thuê hai thửa đất số 376, 385 được ký ngày 20/9/2017 giữa ông C với vợ chồng ông Ch, bà P mục đích là để đảm bảo cho hợp đồng vay số tiền 280.000.000đ chứ thực tế không phát sinh, bị đơn không giao đất và giấy tờ đất bản chính cho nguyên đơn cũng như nguyên đơn không lấy tiền cầm cố hay thuê đất gì. Từ đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên mà mối quan hệ chính là việc vay số tiền 280.000.000đ mà bị đơn đã thừa nhận có vay từ nguyên đơn nhưng hiện tại chưa trả nên hợp đồng vay tài sản giữa các bên là có thật. Từ các phân tích trên, xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4] Căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại Tòa thì các đương sự đều xác định thực tế của việc ký kết hợp đồng cầm cố đất, hợp đồng cho thuê hai thửa đất số 376, thửa số 385 vào ngày 20/9/2017 là để đảm bảo cho khoản tiền vay trên và đều thống nhất hủy nên Hội đồng xét xử tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự và ghi nhận.

[5] Tại Tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất là bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 280.000.000đ, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, thời hạn trả là vào ngày 01/10/2018 và lúc vay bị đơn có làm biên nhận nợ cho nguyên đơn làm tin. Đến nay thì bị đơn vẫn chưa hoàn thành việc trả nợ cho nguyên đơn. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn cũng thống nhất trả nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ đến hết số nợ vốn vay 280.000.000đ. Việc xin trả dần của bị đơn là không có cơ sở cũng như không được phía nguyên đơn đồng ý. Từ đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và Tòa án có đủ cơ sở buộc bị đơn ông Ch, bà P phải liên đới trả số tiền vốn vay 280.000.000đ cho nguyên đơn ông C theo quy định tại Điều 288, Điều 466 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí: Bị đơn ông Ch, bà P phải cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 92, Điều 228, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn C.

Buộc ông Đặng Văn Ch, bà Nguyễn Thị P phải cùng liên đới trả số tiền vốn vay 280.000.000đ cho ông Hồ Văn C.

Ghi nhận việc ông C, bà P, ông Ch thống nhất hủy hợp đồng cầm cố đất, hợp đồng cho thuê hai thửa đất số 376, 385 được ký ngày 20/9/2017.

Kể từ ngày ông Hồ Văn C có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đặng Văn Ch, bà Nguyễn Thị P chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Ông Đặng Văn Ch, bà Nguyễn Thị P phải liên đới chịu 14.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Hồ Văn C số tiền 7.840.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 10054 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM

